

Bút Ký
Chủ đề: lính
Tác giả: Phan Lạc Phúc

NGƯỜI TÙ KIỆT XUẤT

Đại úy Nguyễn Hữu Luyện

Lời giới thiệu: Đại úy Nguyễn Hữu Luyện, xuất thân Khóa 4 Trường BB Thủ Đức, bị bắt trong một chuyến nhảy ra Bắc, bị tù CS 21 năm. Sau khi tới Mỹ, mặc dù đã ngoài 60, Ông vào học đại học, đến gần 70 tuổi vẫn còn học cao học tại Trường Đại Học Boston.

Trong khi theo học tại đây, Ông phát hiện ra Trung tâm WJC thuê mướn các thợ viết CS nòi để nghiên cứu và soạn tài liệu về người Việt tỵ nạn CS, việc này tương tự như thuê người của Đức Quốc Xã viết về người Do Thái vậy. Sau đó Ông đơn thương độc mã đứng ra kiện Trung tâm WJC. Đồng bào tỵ nạn cs hưởng ứng nồng nhiệt, quyên góp hơn \$100,000.00 cho quỹ pháp lý của Ông.

Trong những người bị tù csvn hơn 20 năm có các nhân vật nổi tiếng như Nhà giáo Nguyễn Chí Thiện, Đại úy QLVNCH Nguyễn Hữu Cầu, nhưng Người Tù Kiệt Xuất thì chỉ có một: Đại úy QLVNCH Nguyễn Hữu Luyện.

Theo tác giả, đây là người sau 20 năm bị bắt vẫn còn tuyên bố: “Tôi Nguyễn Hữu Luyện, Đại úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa... tôi chưa thua các anh. Tôi mới thua một trận, chưa thua cuộc chiến này”.

– Bắt Nguyễn Hữu Luyện đi lao động, anh nói: “Các anh có thể giam tôi, bắn tôi, nhưng danh dự của một sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa không cho phép tôi làm những công việc mất nhân cách. Quy chế sĩ quan không cho phép tôi làm như vậy”. –PLP

oOo

Tôi đã nhiều lần định viết về những người tù kiệt xuất của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa: những anh em Biệt Kích Dù, những người “từ trên trời rơi xuống,” nhưng tôi cứ lần lữa mãi. Lười biếng thì chỉ có một phần. Lý do yếu là những người bạn tù mà tôi bội phần cảm phục ấy đang ở một tình trạng hết sức khó khăn. Chúng tôi đi cải tạo sau tháng 4 1975, dù đón đau, khổ nhục đến đâu, vẫn có tên, có tuổi, hằng tháng, hằng quý vẫn còn liên lạc được với gia đình. Anh em, bè ở nước ngoài vẫn còn có chút âm hao để mà theo dõi.

Những anh em Biệt Kích Dù thì đúng là “thượng diệt, hạ tuyệt” – không có quân bạ, quân số, không có tên có tuổi nào được đăng ký, không có chính phủ nào, quân đội nào công nhận có những con người ấy ở dưới tay.



Không được liên lạc với ai, coi như không còn hiện diện trên trái đất. Ở trên trời rơi xuống Bắc Việt vào đầu thập niên 60 thời Đệ Nhất Cộng Hòa, những anh em Biệt Kích Dù đã tham dự một cuộc chiến tranh tối mật (secret war). Những người tình nguyện tham

gia cuộc chiến này đã tự coi như mình đã chết; nhảy xuống, tìm được địa bàn hoạt động, trà trộn được, ẩn giấu được là sống, là thi hành xong nhiệm vụ, nếu bị lộ, bị bắt, bị giết thì “Anh tự lo liệu cho cái thân anh, không có cơ quan nào, tổ chức nào đứng ra can thiệp hay bảo trợ cho anh được”.

Những người tù “đứt dây rơi xuống này không được hưởng chút quyền lợi nào từ quy chế tù binh (Genève); các cơ quan nhân đạo quốc tế như Hội Hồng Thập Tự, Hội Ân Xá Quốc Tế cũng không biết làm sao để can thiệp, vì các anh đâu có quân bạ, quân số, đâu có tên có tuổi được đăng ký hợp pháp ở một chính phủ nào.”

Dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa (thời tổng thống Ngô Đình Diệm), nghe nói Đại tá Lê Quang Tung, em là Thiếu tá Lê Quang Triệu phụ trách công tác này. Ở đằng sau có cơ quan tình báo hay phản gián nào của Mỹ yểm trợ hay không, điều này ai cũng hiểu là phải có, nhưng cơ quan nào: CIA hay thuộc cơ quan tình báo Ngũ Giác Đài, không ai dám đoán chắc, mà cũng không ai dám biết. Nghe nói những người được tuyển chọn vào Biệt Kích Dù tham gia vào cuộc chiến tranh tối mật, ngoài những người khả năng đặc biệt về nghiệp vụ như tình báo, truyền tin, phá hoại, trà trộn dưới đồng bằng, ẩn giấu trong rừng sâu, chiến đấu với đối phương, với bệnh tật, với thiên nhiên, được trang bị thật kỹ từ A đến Z về mưu sinh thoát hiểm, họ còn phải là những người tuyệt đối tin tưởng vào quốc gia, vào lãnh tụ.

“Sống không rời nhiệm vụ, chết không bỏ lập trường” đó là vũ khí chung của anh em Biệt Kích....

Như mọi người đã biết, cuộc chính biến 1 tháng 11 năm 1963 đã làm sụp đổ nền Đệ Nhất Cộng Hòa, anh em tổng thống Ngô Đình Diệm bị hạ sát; người rất thân tín, người ủng hộ đến cùng anh em tổng thống Diệm là anh em Đại tá Lê Quang Tung, Thiếu tá Lê Quang Triệu tất nhiên cũng bị triệt hạ theo. Các anh em Biệt Kích Dù sau tháng 11 năm 1963, khi anh em tổng thống Diệm chết đi, khi anh em người chỉ huy chiến dịch là Lê Quang Tung–Lê Quang Triệu bị hạ sát, đã bị rơi vào tình trạng rắn mất đầu. Sự tan vỡ như thế là không tránh khỏi. Không biết có một sự kiện “vỡ kế hoạch” vô tình hay cố ý nào không, nhưng các anh em Biệt Kích Dù ra Bắc lần lượt bị phát giác, bị truy bức, bị giết và bị bắt.

Không ai biết rõ hay biết mà không ai dám nói ra, đã có bao nhiêu Biệt Kích Dù ra Bắc, công trạng họ lập nên được những gì? Bao nhiêu người sống, bao nhiêu người chết? Chiến tranh tối mật nên những người thực hiện sống hay chết đều nằm trong bóng tối. Đó là quy luật của cuộc chơi. Một cuộc chơi quyết liệt và tàn nhẫn. Có nhiều người cho rằng trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, người có công nhất chưa chắc đã là viên thống soái chỉ huy ba quân tướng sĩ, mà người có công nhất có thể là người chiến sĩ vô danh chết chông đồng trong chiến hào, chết âm thầm trong rừng sâu, chết lạnh lùng dưới biển cả. Thời gian cũng như lòng người, đều vô tình như nhau. Nào ai còn nhớ trong biết bao nhiêu người chiến sĩ Biệt Kích Dù ra Bắc đầu thập niên 60 năm ấy, ai còn, ai mất?

Năm 1980 khi lũ tù cải tạo chúng tôi đến huyện Như Xuân, chốn rừng sâu Thanh Hóa, gần biên giới Lào, chúng tôi thấy đây là một trại tù mới dựng giữa rừng sâu. Trước đó, chắc trại Thanh Phong này chưa có trên bản đồ các trại tù miền Bắc. Đây là một trại tù “ẩn giấu”. Lũ tù cải tạo chúng tôi đến đây, thuộc loại được đánh giá là “ác ôn nợ máu” gồm thành phần An ninh, Phòng nhì, Trung ương tình báo, Chiến tranh chính trị, Bình định nông thôn... thành phần mà “Cách mạng” cho rằng có liên hệ với CIA. Nhưng so với anh em tù nhân lưu cữu ở đây thì chúng tôi chưa có kí lô nào hết. Chúng tôi ở phân trại mới K2; phân trại chính và có mặt ở đây trước là K1, nơi giam giữ tù nhân kêu bằng CIA, nhưng thực ra chính là anh em Biệt Kích Dù từ đầu thập niên 60 đã nhảy dù ra Bắc.

Lũ chúng tôi mới tới được đưa ra tắm suối. Chợt gặp hai người, lưng mang dao quắm, mỗi người khiêng một bó nứa khá to. Hai người đặt bó nứa xuống và hỏi:

“Các bác vừa ở Tân Lập, Vĩnh Phú xuống?”

Chúng tôi gật đầu đồng ý.

Hai người liền lật đặt đứng nghiêm, giơ tay chào theo đúng lễ nghi quân cách và đồng thanh nói:

“Chúng em là Biệt Kích Dù đây”.

Chúng tôi vừa xúc động, vừa hoang mang chưa biết nói năng gì thì một người vừa giơ ống tay áo lên lau mắt vừa nghẹn ngào:

“Gần hai mươi năm nay chờ đợi các anh. Không ngờ lại gặp các anh trong tình cảnh này, đau đớn quá”.

Anh em Biệt Kích Dù về miền thượng du Thanh Hóa, gần biên giới Hạ Lào này trước chúng tôi chừng vài năm, sau khi đã trải qua những năm tháng tù đầy khốn khổ ở những trại tù rừng rợn vùng biên giới phía Bắc: Trại Cổng Trời Hà Giang, trại “Mục xương” Cao Bằng hay trại Sơn La “âm u núi khuất trong sương mù”. Nếu quân “bành trướng Trung Hoa” không tấn công 6 tỉnh miền Bắc sát biên giới hồi đầu 1979, thì có lẽ anh em Biệt Kích Dù vẫn còn quần quanh nơi rừng núi phía Bắc.

Ở đâu anh em cũng bị “cất giấu” chốn rừng sâu, cách biệt hẳn với loài người. Một anh Biệt Kích nói với tôi “Coi như ở đây, trại Thanh Phong này là tụi em được gần gũi với ‘nhân dân’ nhiều nhất. Cũng vì thế nên mới được gặp các anh hôm nay”.

Trong số các anh em Biệt Kích Dù ở trại Thanh Phong năm ấy (1980) người tù lâu nhất là 20 năm, người ít nhất là 17 năm. “Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại” chúng tôi đi cải

tạo đã được 5 năm, đã thấy cuộc đời tù dài đằng đặc, nhưng so với anh em Biệt Kích Dù này thì thật là chưa thấm vào đâu. Anh em cải tạo tội tôi vẫn còn liên lạc được với gia đình, vẫn nhận thư, nhận quà, có anh còn được người nhà từ trong Nam ra thăm nuôi nữa.

Mới đây một số anh em trẻ, cấp bậc nhỏ đã lác đác được về. Như vậy là ở cuối đường hầm chúng tôi đã có leo lét một vài tia sáng. Anh em Biệt Kích Dù thì từ 20 năm nay, hoàn toàn nằm trong bóng đêm, sống cách biệt hẳn với loài người, coi như những người “bị bỏ quên” trên hành tinh trái đất. Người tù truyền thuyết trong cổ tích Trung Hoa là ông Tô Vũ cũng chỉ chẵn dê ở Hung Nô đâu có 17 năm. Xem ra thâm niên đi tù của ông Tô Vũ cũng còn thua xa anh em Biệt Kích Dù. Từ 20 năm nay, tù Biệt Kích chưa hề có ai được tha về. Không, cũng có một số anh em được về – nhưng... đó là “về với đất”.

KHẨU LỆNH BIỆT KÍCH DÙ

Phân trại K2 của chúng tôi nằm cách K1 nơi giam giữ anh em Biệt Kích Dù chừng 4 cây số đường rừng. Ở cách K2 chừng một giờ đi bộ còn có K3 – nơi giam tù hình sự dữ nhất: cướp của, giết người. Từ huyện lỵ Như Xuân, vào đến K1 khoảng 15 cây số. Ngày xưa, hồi kháng chiến chống Pháp cuối thập niên 40, đi vào khu 4, nghe nói đến địa danh Hồi Xuân, La Hán ở trên rừng là đã rợn người. Nhưng mà đường đến Hồi Xuân–La Hán so với đường vào trại Thanh Phong thì chưa đi đến đâu... Một người bạn có vợ thăm nuôi vào được đến Thanh Phong, gặp chồng rồi là cứ ôm chồng mà khóc. Người vợ đau khổ ấy không dám nói cho người chồng xấu số biết chị vừa trải qua những khốn khổ nào.

Chỉ biết chị đi từ huyện Như Xuân vào đây chưa đầy 20 cây số mà 2 ngày mới đến, phải ngủ giữa rừng. Cái gì đã xảy ra cho người đàn bà miền Nam một nách trên 30 ký quà cáp, không có xe phải đi bộ trên những con đường băng rừng lội suối. Nếu đang đi mà trời mưa đổ xuống thì là tai họa. Suối đang nông lội qua được, mưa xuống chẳng bao lâu là nó thành sông. Miền Trung đất hẹp, rừng không giữ được nước, nên trời đổ mưa xuống là nó theo sông theo suối cuốn trôi ngay ra biển. Suối liền trở thành sông. Người ở đâu ở đó làm gì có phương tiện sang sông nước đang lên cuộn cuộn. Nước lên rất mau mà xuống cũng mau. Người đàn bà đi thăm nuôi chồng phải nghỉ qua đêm ở một cái chòi vắng ven rừng. Đêm đến, những “con người thú” đã khai thác đến tận cùng thân xác và của cải người đàn bà thân cô thế yếu giữa rừng sâu. Sáng ra chị đã muốn cắn lưỡi tự tử, nhưng vì không muốn bỏ rơi mấy đứa con nhỏ còn ở lại Sài Gòn, nên chị mới lê tấm thân nhợt đến gặp chồng đang cải tạo. Quà cáp cũng bị cướp đi luôn. Hai vợ chồng cứ ôm nhau mà khóc.

Câu chuyện đau khổ ấy, dù người chồng câm nín không tiện nói ra nhưng dần dần anh em ai cũng biết. Nó trở thành một nỗi âu lo âm ỉ trong đám tù cải tạo. Ai mà không mong một ngày nào đó được thăm nuôi, được gặp vợ, gặp con. Nhưng nếu vợ con mình, thân nhân của mình phải hứng chịu những tai vạ đau thương nhường ấy để được thăm nuôi mình thì khốn nạn cho vợ con mình quá. Nhưng lo thì lo vậy, biết tính làm sao. Thân mình còn chưa chắc là của mình thì còn lo cho ai được nữa.

Trước sự kiện mất an ninh, cướp bóc, hiệp đáp giữa đường như vậy trại cũng ra thông cáo là sẽ điều tra, sẽ trừng trị nhưng chưa thấy biện pháp nào cụ thể. Anh em Biệt Kích Dù thì ngược lại phản ứng tức thời. Đa số anh em Biệt Kích Dù ở đây là “diện rộng” tỏa ra đi lao động trên rừng. Trại Thanh Phong ngăn ngại anh em Biệt Kích Dù nhưng trong thực tế, trại “nể” anh em. Trại nể anh em Biệt Kích Dù vì tác phong của họ, vì sự trên dưới một lòng của họ, nhưng lý do chính yếu nhất là vì Biệt Kích Dù chính là cái “túi tiền” của ban Giám thị trại. Trại tù ở trên rừng, đâu còn chăm chút được gì. Nhưng vì ở chốn rừng sâu, không ai léo hánh đến đây, nên trại dễ làm mưa làm gió.

Tục ngữ có câu “Nhất phá Sơn lâm, nhì đâm Hà bá”. Chỉ cần có nhân công biết nghề rừng, có kỹ thuật và có sức. Điều này thì không ai sánh được với Biệt Kích Dù. Rừng ở đây thuộc loại rừng đại ngàn nên gỗ quý thiếu gì, lại còn có quế. Quế Thanh Hóa xưa nay vẫn có tiếng trong nền y dược Đông Phương. Bây giờ không còn bao nhiêu nhưng một tổ anh em Biệt Kích Dù vẫn được lên rừng tìm quế cho trại trưởng Thùy “mồi”, nhưng bên ngoài gọi là đi lấu nứa. Anh em diện rộng Biệt Kích Dù có 3 đội đi rừng lấy gỗ. Lấy về trại xây dựng thì ít mà lấy gỗ súc đem ra Thanh Hóa bán chui thì nhiều.

Tôi được biết trại trưởng Thùy “mồi”, phân trại trưởng K2 Vũ B. ai cũng được anh em Biệt Kích Dù lo sẵn mỗi người một số danh mộc (như lim, như sến, cán bộ vừa vừa thì có gỗ thao lao, bằng lăng) đủ làm một căn nhà bê thế ở quê nhà. Anh em Biệt Kích Dù như vậy là một thứ tù “thượng thừa” của trại. Tiếng nói của anh em rất được lắng nghe. Phần lớn anh em Biệt Kích Dù là hạ sĩ quan, có một số là dân sự nữa. Chỉ có một sĩ quan chỉ huy, Đại úy Nguyễn Hữu Luyện. Chưa được gặp anh, nhưng tất cả anh em Biệt Kích Dù nói đến người chỉ huy của họ với tất cả lòng kính mến. Rất ít người được gặp vị Sĩ quan Biệt Kích Dù này, vì anh không lao động, không đi ra ngoài. Tuy vậy, một mệnh lệnh của vị chỉ huy Biệt Kích Dù đưa ra, dù là ở trong cảnh tù đầy, nhưng anh em Biệt Kích Dù vẫn tuân hành răm rắp.

Phản ứng trước sự mất an ninh con đường từ huyện Như Xuân đến trại, anh em Biệt Kích Dù đề nghị mở một “dịch vụ chuyên chở” từ huyện lỵ đến trại Thanh Phong. Lúc ấy đang có phong trào “hạch toán kinh tế”. Anh em Biệt Kích Dù có kế hoạch đóng 2 cái xe trâu, do trâu của trại kéo cùng với hai anh em Biệt Kích Dù phụ trách. Hai xe, một ra một vào, giúp cho thân nhân của anh em cải tạo viên có phương tiện đi lại, khỏi phải gồng gánh đi chân như trước, trại cũng có một nguồn thu ổn định. Hoặc có thể dùng xe trâu để chuyên chở nông lâm sản hay hàng tiêu dùng cho trại và dân chúng. Đề nghị này được chấp thuận và sau đó gia đình cải tạo viên tới thăm nuôi có xe trâu chở hàng, chở người, tuy chậm nhưng mà chắc, không bị dân vùng đó hà hiếp, bắt chẹt về giá cả gồng gánh – quả cáp và thân nhân tù cải tạo cũng được bảo vệ an toàn.

Cùng một lúc với việc đóng xe trâu chở hàng, chở người, anh em Biệt Kích Dù “diện rộng” đi “rỉ tai” khắp các vùng thôn bản xa gần trong huyện Như Xuân “khẩu lệnh” của Biệt Kích Dù. Khẩu lệnh như sau:

“Thân nhân cải tạo viên ở trại Thanh Phong này là bà con ruột thịt của Biệt Kích Dù. Anh em Biệt Kích Dù xưa nay không động đến ai, nhưng thằng nào con nào động đến thân nhân anh em cải tạo, dù là về của cải, dù là về nhân thân, là Biệt Kích Dù nhất định không để yên.” Luật của Biệt Kích Dù là “mất một đền mười”. “Động đến thân nhân cải tạo viên, nhẹ là chặt chân, chặt tay, nặng là giết mà giết cả nhà. Biệt Kích Dù không có gì để mất, đã nói là làm”.

Từ đó về sau, thân nhân cải tạo viên trại Thanh Phong đi thăm nuôi an toàn tuyệt đối...

GẶP NGƯỜI CHỈ HUY BIỆT KÍCH DÙ

Hai cái xe trâu, một ra một vào từ trại Thanh Phong tới huyện Như Xuân do anh em Biệt Kích Dù phụ trách không những giúp cho thân nhân cải tạo viên thăm nuôi đi lại an toàn thuận tiện, mà còn là một đường dây giúp chúng tôi liên lạc với “thế giới bên ngoài”? Muốn “bắn” một cái thư khẩn cấp về Sài Gòn, muốn mua thuốc lào, thuốc lá, hay thuốc tây, báo chí... cứ nhờ anh Biệt Kích Dù đánh xe trâu. Chiều nào, vào khoảng ba, bốn giờ là xe trâu của anh Biệt Kích Dù cũng lịch kịch đi qua mấy lán của đội mộc, đội rau, đội mía, đội nông nghiệp tụi tôi ven đường. Biệt Kích Dù hầu như quen biết hết cán bộ coi tù. Anh em có “mánh” để giao thiệp với họ. Bao giờ anh em cũng làm đầy đủ thủ tục đầu tiên: đồng quà, tấm bánh, ít ra cũng là điều thuốc có cán, hay là tờ báo.

Cán bộ nào tới đây cũng nhờ vả anh em Biệt Kích Dù không ít thì nhiều. Vài bó nứa sửa lại cái căn nhà, cây tre làm cột, ít vòng mây buộc lại cái cổng, cái giàn hoa. Cán bộ có chức có quyền thì như đã nói, anh em Biệt Kích Dù “đám mồm” hết: không một bộ khung nhà bằng danh mộc thì cũng gỗ súc hay đóng bàn đóng ghế. Trên 250 anh em Biệt Kích Dù ở K1 làm đủ mọi thứ nghề, cung cấp nhân lực và kỹ thuật cho hoạt động của toàn phân trại K1. Diện rộng đi rừng lấy gỗ, lấy nứa, lấy mây – ở nhà thì có các đội mộc, đội rèn, đội xây dựng, đội chăn nuôi... anh em Biệt Kích Dù bao thầu hết. Tù thâm niên 20 năm có khác. Biết rõ hết đường đi nước bước của cán bộ coi tù.

Trên nguyên tắc trại Thanh Phong K1 đặt dưới quyền chỉ huy của trại trưởng, Trung tá Công an Thùy “mồi”, nhưng trên thực tế anh em Biệt Kích Dù suốt 20 năm tù đầy gian khổ, vẫn tuân hành tuyệt đối mệnh lệnh của vị chỉ huy của họ, Đại úy Nguyễn Hữu Luyện. Đây là một con người huyền thoại. Chúng tôi nghe đến tên anh từ lâu nhưng chưa bao giờ được gặp, vì anh không đi lao động ở ngoài. Anh em Biệt Kích Dù đều tỏ ra rất nghiêm trang, rất kính cẩn mỗi khi nhắc đến “ông thầy” của họ. Truyện về Đại úy Biệt Kích Dù này khá nhiều, đây về hoang đường, truyền thuyết. Đây là người sau 20 năm bị bắt vẫn còn tuyên bố:

“Tôi Nguyễn Hữu Luyện, Đại úy Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa... tôi chưa thua các anh. Tôi mới thua một trận, chưa thua cuộc chiến này”.

– Bất Nguyễn Hữu Luyện đi lao động, anh nói: “Các anh có thể giam tôi, bắt tôi, nhưng danh dự của một sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa không cho phép tôi làm những công việc mất nhân cách. Quy chế sĩ quan không cho phép tôi làm như vậy”.

Anh đã bị kiên giam nhiều năm tại rất nhiều trại rừng rợn, dã man nổi tiếng, nhưng Nguyễn Hữu Luyện trước sau vẫn là Nguyễn Hữu Luyện, không thay đổi, không khiếp sợ, không khuất phục. Việc Nguyễn Hữu Luyện, không đi lao động như mọi tù nhân khác từ gần 20 năm nay đã trở thành một nề nếp đặc biệt, các trại tù ngoài Bắc dù muốn dù không đều phải chấp nhận.

Người ta chưa lường được hết quyền năng của Nguyễn Hữu Luyện đối với anh em Biệt Kích Dù như thế nào. Khi cần Nguyễn Hữu Luyện ra lệnh là tất cả anh em Biệt Kích Dù nghỉ hết. Như bữa ở trại Thanh Phong có một anh em Biệt Kích Dù họ “tôn” nhiều năm không có thuốc nên anh “về nước Chúa”. Phần lớn các anh em Biệt Kích Dù đều là người Thiên Chúa Giáo nhiệt thành, kể cả Nguyễn Hữu Luyện. Nói chuyện với anh em Biệt Kích Dù họ đều nói “anh em lãnh tụ Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu chúng tôi chưa có chết. Còn ẩn lánh đâu đó... Lãnh tụ chúng tôi ngày nào đó sẽ trở về...”. Nghe anh em Biệt Kích Dù họ tôn nể xuống, các đội Biệt Kích Dù khi có lệnh xuất trại đều ngồi yên không đi làm.

Họ nói “được lệnh của Đại úy Nguyễn Hữu Luyện, anh em Biệt Kích Dù ở nhà để lo hậu sự cho người anh em vừa mới mất”.

Cán bộ trực trại đến hỏi Nguyễn Hữu Luyện tại sao ngăn trở việc điều hành của trại. Nguyễn Hữu Luyện trả lời:

“Các anh tôn trọng đồng chí của các anh thì chúng tôi cũng yêu thương đồng đội của chúng tôi. Nghĩa tử là nghĩa tận, anh em chúng tôi phải ở nhà để một lần cuối cùng vĩnh biệt người nằm xuống”.

Sau điều đình mãi, chỉ có đội Biệt Kích Dù lo về cơm nước cho phân trại và bộ phận chạy máy điện là đi làm, kỳ dư anh em Biệt Kích Dù khác đều nghỉ hết.

Gặp gỡ anh em Biệt Kích Dù, nghe chuyện kể về Đại úy Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện tôi vừa tự hào vừa buồn bã. Tự hào vì đồng đội đã có những người kiệt xuất như vậy, buồn bã vì nhìn lại bản thân, nhìn anh em xung quanh mình thấy khá nhiều người bất xứng. Những năm tháng trong trại tù giữa rừng núi Thanh Phong, anh em Biệt Kích Dù đối với chúng tôi, vừa là một đường dây yểm trợ vật chất, mà cao trọng hơn, còn là một nơi nương tựa tinh thần.

o0o

Tết năm 1982. Một số lớn anh em trong trại K2 đã chuyển về Nam. Đội văn nghệ nghiệp dư của tụi tôi thiếu rất nhiều “nhân tài” nhưng vẫn phải trình diễn cho anh em vui Tết. Thiếu người, thiếu tiết mục, chúng tôi nhập luôn đội múa lân vào đội văn nghệ cho xôm tụ. Không ngờ đội văn nghệ “què” như vậy, Tết lại phải đi “lưu diễn” trên K1 và K3. Mùng 2 chúng tôi lên K1 – đường dài 4 cây số chúng tôi đi gần hai tiếng đồng hồ, khoảng gần 9 giờ mới tới. Một đại diện anh em Biệt Kích Dù nói rằng: “Chẳng mấy khi được đón tiếp các anh bữa nay, anh em K1 chúng tôi xin hạ một con heo để đón mừng anh em văn nghệ”. Tôi được biết sau này sự hậu đãi ấy là do ý kiến của Đại úy Nguyễn Hữu Luyện đề xuất. Chưa bao giờ đội văn nghệ tù chúng tôi được tiếp đón long trọng và săn sóc chu đáo như vậy. Theo chương trình, đội văn nghệ trình diễn buổi trưa, diễn xong ăn uống rồi về.

Đang trông nom cho anh em dựng sân khấu ở hội trường, chợt có một anh em Biệt Kích Dù đến bên tôi khẽ nói: “Anh Luyện em mời anh vô trong lán uống trà”. Đi lên đây K1, ước mong thâm kín của tôi là được gặp người Sĩ quan Biệt Kích Dù truyền thuyết ấy. Xem con người thật và con người “huyền thoại” giống nhau, khác nhau ra sao. Tôi vội vàng theo người anh em Biệt Kích Dù đi vào trong lán. K1 cũng như K2, K3 lán tù thường tối và thấp. Đi qua hai ba căn nhà dài hôi hám, mờ mịt tôi tới một căn buồng đầu lán. Vừa bước chân vô chưa kịp định thần, tôi đã thấy một con người cao lớn, mắt sáng trán cao đứng phất dậy, chụm chân theo động tác quân sự, giơ tay chào đúng lễ nghi quân cách, miệng nói:

“Mes respects, mon colonel!”.

Tôi thảng thốt không biết phản ứng ra sao. Đi tù 5, 6 năm nay, mình là giai cấp đang bị triệt tiêu, là tù nhân đứng hàng thứ bét của nấc thang xã hội, tại sao lại có người chào mình trân trọng như vậy.

“Mes respects, mon colonel” đây là lễ nghi theo kiểu Pháp. Bao nhiêu năm nay, có nghe thấy, nhìn thấy kiểu chào này đâu. Mình bây giờ, là tù khổ sai biệt xứ, đâu còn gì mà “kính chào trung tá”.

Tôi vội vàng tiến tới nắm lấy tay người đang đứng cứng người chào tôi theo đúng lễ nghi quân cách mà hỏi:

“Thưa anh, anh là Nguyễn Hữu Luyện?”

Người ấy, vẫn đứng nghiêm, chỉ đưa tay xuống rồi nói tiếp:

“Vâng thưa anh, tôi là Luyện”.

“Anh Luyện ơi, anh làm vậy tôi khó xử quá, thời buổi này, anh em mình gặp nhau là quý”.

Lúc ấy, Nguyễn Hữu Luyện mới rời bỏ tư thế đứng nghiêm, khẽ nói:

“Thưa anh, anh vẫn cứ phải cho phép tôi làm như vậy. Dù sao chẳng nữa, anh vẫn là đàn anh của tôi”.

Nguyễn Hữu Luyện học khóa 4 phụ Thủ Đức. Tôi học khóa 2 có ra trường trước anh vài khóa thật, nhưng 20 năm qua, nêu anh còn ở lại miền Nam, với khả năng ấy, thiện chí ấy, không biết anh đã lên tới cấp nào, đâu có lẹt đẹt như tôi. Khóa 5 Thủ Đức đã có người lên tướng. Nhưng đối với người như Nguyễn Hữu Luyện, theo tôi cấp bậc là thứ yếu, nhân cách mới là chính yếu. Ở trong quân đội miền Nam, về nhân cách, ai xứng đáng là đàn anh của Đại úy Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện bây giờ?

Sau một tuần trà, Nguyễn Hữu Luyện chậm rãi nói nhỏ với tôi:

“Có một ‘thằng em’ vừa nhận được một cái tin rất lạ, rất mới. May là lại được gặp anh hôm nay ở đây. Được biết anh vốn là một nhà báo. Xin anh cho ý kiến về tin vừa mới nhận này”.

Nói xong Nguyễn Hữu Luyện ra dấu cho một anh em nào đó đứng gần bên “Gọi Th. lên đây”.

Trước khi Th. tới, anh Luyện có cho tôi hay Th. là một Biệt Kích Dù cấp bậc thượng sĩ chuyên lo về truyền tin. Th. là một chuyên viên về địa hạt này. Hai chục năm bị bắt nhưng Th. vẫn sử dụng được tay nghề. Ở ngoài Bắc lúc ấy, tiêu chuẩn của một người “phần đầu tiên bộ” là đạt 3 Đ: xe đạp, đồng hồ và Đài (radio).

Trong hàng ngũ cán bộ thì công an vốn là một nơi an toàn mà “kiếm được”. Chỉ có hàng ngũ bộ đội là phải đi chiến trường chết banh thân mất xác hoặc phải đóng quân ở những nơi đầu sóng ngọn gió nghèo mạt rệp mà thôi. Cán bộ Công an tương đối có nhiều người đạt tiêu chuẩn 3 Đ. Nhưng đài ngoài Bắc phần lớn thuộc loại xưa, khó xài, dễ hỏng. Vì vậy nên chuyên viên truyền tin Th. luôn luôn có việc làm. Một lát sau, anh Th. lên gặp chúng tôi. Anh nói rằng:

“Em sửa đài cho cán bộ quanh năm không lúc nào hết việc. Nhưng không bao giờ em sửa đài xong xuôi, rớt ráo. Lúc nào em cũng phải lấy có này, có kia để giữ lại bên mình một cái đài ‘chạy được’”.

Em giữ lại để đeo “ê-cút-tư” vào nghe tin tức một mình. Thưa anh, tối hôm qua, mùng 1 Tết, chính tai em nghe có một ông Tướng Mỹ mà em không nhớ được tên đang ở Việt Nam, nói chuyện với các nhà lãnh đạo Hà Nội về vấn đề cựu chiến binh Mỹ mất tích, về tù nhân chính trị... Lần đầu tiên chính tai em nghe là những Biệt Kích nhảy dù ra Bắc đầu thập niên 60 cũng được xét đến trong dịp gặp gỡ này. Thưa anh, vài chục năm nay nghe

đài, đây là lần đầu em nghe đài nhắc đến số phận tụi em. Chúng em là những người bị bỏ quên, coi như đã chết rồi. Không số quân, không tên tuổi, không nơi nào nhận. Chúng em là những người “đứt dây rơi xuống luôn luôn sống ở một xó rừng góc núi ‘trên không chẳng, dưới không rãnh’, không còn liên hệ gì với xã hội loài người. Bây giờ em nghe tin ông Tướng Mỹ sang Hà Nội nói đến số phận tụi em, em nghe xong mà tự nhiên nước mắt chảy ròng ròng... không biết là mơ hay thật đây”.

Tôi vội cầm lấy tay người Thượng sĩ Biệt Kích Dù mà nói:

“Đúng đấy bạn ơi, thời gian này ông Tướng Vessey, đặc sứ (special envoy) của Tổng thống Mỹ Reagan đang viếng thăm Hà Nội. Các báo Việt Nam đều nhắc đến sự kiện này. Tin mà bạn vừa nghe được rất đáng tin cậy”.

Nguyễn Hữu Luyện vội chen vào:

“Làm sao mình tin được đài Hà Nội”.

Tôi nói tiếp:

“Đây là một sự kiện có tính cách quốc tế, truyền thông thế giới đều theo dõi sự viếng thăm của Tướng Vessey, nên đài Hà Nội dù muốn giấu cũng khó lòng. Vả chẳng tin tức của khối Xã Hội Chủ Nghĩa xưa nay chỉ loan những tin nào có lợi cho họ.”

Tin bất lợi, họ quên đi ngay. Việc Tướng Vessey đến Việt Nam, ở bên trong chắc đã có một thỏa thuận nào có lợi cho Hà Nội không mặt này thì mặt kia. Mình chưa biết được sự thỏa thuận ấy đến đâu, chi tiết ra sao, nhưng việc loan tin sự hiện diện của Đặc sứ Vessey đến Hà Nội, nhìn chung là một chỉ dấu thuận lợi cho lũ tù nhân chúng ta, đặc biệt là đối với các anh, những người mà trên 20 năm nay họ cố ý hay vô tình quên lãng.

Nguyễn Hữu Luyện trầm ngâm:

“Như bản thân tôi và anh em chúng tôi ở đây đã từng rút kinh nghiệm không nên tin tưởng nhiều quá vào người Mỹ”.

– “Đồng ý trên nguyên tắc, nhưng trong số những người Mỹ còn nhớ đến đồng minh cũ, còn lưu ý đến số phận khốn khổ của chúng ta thì ông Reagan này là số 1. Nếu năm ngoái cái tên Mỹ khùng nào nó bắn ông ấy chết thì chúng ta còn vất vả hơn nhiều. Bây giờ đặc sứ của ông Reagan, Tướng Vessey sang đây có đích thân nhắc đến Biệt Kích Dù thì tôi nghĩ sớm muộn trường hợp các anh sẽ được giải quyết. Các bạn có thể được về...”.

Một nụ cười mơ hồ trên khuôn mặt Nguyễn Hữu Luyện. Anh như nói một mình “Được về, được về, mà về đâu...”

Lời bình Mao Tôn Cương của tôi hồi đầu năm khi lưu diễn ở K1 không ngờ được chứng nghiệm. Đến giữa năm 1982, có hai lượt thả Biệt Kích Dù, mỗi lượt trên dưới 100 người. Chuyện không ai ngờ mà tới. Ông Tướng Vessey đặc sứ của Tổng thống Mỹ Reagan đã giở lại chồng hồ sơ mật đầu thập niên 60, can thiệp với Hà Nội để cho những Biệt Kích Dù bị giam trên dưới 20 năm ở nơi thâm sơn cùng cốc được trở về hội nhập với loài người.

Cùng thời gian đó chương trình “nước sông công tù” đem cải tạo viên đến khai hoang những vùng rừng núi âm u (như trại Thanh Phong huyện Như Xuân giáp với Hạ Lào này) trở thành nông trường, lâm trường, rồi đem gia đình cải tạo viên lên chỉ định cư trú ở những chôn rừng sâu nước độc, cũng được dẹp bỏ luôn. Phần lớn anh em tù chính trị được chuyển về Nam hay đổi đi trại khác. Đến cuối năm 1982, trại Thanh Phong K2 chỉ còn lại trên 50 tù chính trị. Còn lại toàn là tù “đui, què, mẻ sứt” già yếu, bệnh tật... hay là thuộc loại “không tiện cho về Nam”. Tôi thuộc số trên 50 người còn lại này. Ngày 14 tháng 11 năm 1982 trên nguyên tắc phân trại tù chính trị K2 giải thể. Những người tù còn lại đi ra K1. Ở đây tù chính trị sẽ cùng anh em Biệt Kích Dù còn lại lên xe đi đến một trại khác ở Nghệ Tĩnh: Trại Tân Kỳ.

VỀ TRẠI TÂN KỲ

Trại Tân Kỳ này là một trại “trung chuyển”. Bao nhiêu tù chính trị ra Bắc còn lại hồi 1976–1977 trước khi về Nam về tập trung ở trại này và có một số khác ở trại Ba Sao, Hà Nam Ninh. Trại Tân Kỳ này chứa đựng đủ loại tù: tù chính trị, tù CIA, tù Biệt Kích, tù Fulro, tù hình sự thứ dữ. Trại này có 2 khu, khu Tây và khu Đông. Chúng tôi gọi là “Tây Đức” và “Đông Đức” vì khu Tây tương đối dễ thở hơn khu Đông. Ở đây tôi gặp được nhiều loại người: ông Võ Tr. lãnh tụ VNQDD ở miền Trung, Quảng Ngãi, linh mục duy nhất Trần Hữu L., những ông tướng Fulro, mấy ông thủ tướng, bộ trưởng “chính phủ trong bóng tối” và đặc biệt tôi được ở cùng lán với người thủ lãnh Biệt Kích Dù. Chính trong thời gian này, vì chung đụng, gần gũi nên tôi mới được hiểu thêm về người tù kiệt xuất Nguyễn Hữu Luyện.

Anh em Biệt Kích Dù về trại Tân Kỳ (Nghệ Tĩnh) chỉ còn độ trên 50 người. Vì có tay nghề riêng nên các anh em Biệt Kích Dù được biên chế về các đội chuyên môn như đội mộc, đội rèn, đội chăn nuôi... Riêng thủ lãnh Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện lại chuyển đến một đội khác, đội rau. Tôi xưa nay đi tù cũng có chút “chuyên môn” nên ở đây, trại mới, tôi cũng được sử dụng đúng theo “tay nghề”: chuyên trị về phân và nước tiểu. Ở các trại, đội rau nào cũng cần đến loại phân bón này. Tôi nghiệm ra ở các trại cũ như Yên Hạ (Sơn La), Tân Lập (Vĩnh Phú), Thanh Phong (Thanh Hóa) và bây giờ ở đây Tân Kỳ, đồng nghiệp phân tro của tôi thường được tuyển lựa trong mấy ngành Quân huấn, Quân pháp hay Chiến tranh chính trị.

Đồng nghiệp cũ của tôi là thượng tọa nguyên giám đốc Nha Tuyên úy Phật giáo, là mục sư Tin Lành, là thẩm phán Tòa án Quân sự, là giáo sư Trường Võ Bị Quốc Gia, v.v. Ở

đây thì đại loại cũng như vậy, ở khu Tây Đức này có 4 lán, có 4 người lo về nhà cầu thì 1 là biện lý, 1 là đại đức, 1 là ông thầy dạy Anh văn trường Chiến tranh Chính trị và tôi. Sự tuyển dụng “trước sau như một” này là chấp hành đúng tinh thần “Mao–ít”: “Chữ nghĩa không bằng cục phân”. Tôi lại nhớ đến thái độ của Đại úy Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện khi anh nhất định không đi lao động. Ở đây cũng như ở các trại khác từ trên 20 năm qua, và đã trở thành biệt lệ, Nguyễn Hữu Luyện được biên chế về đội rau nhưng anh nhất quyết không đi làm.

Toán “nhà cầu” tụi tôi khoảng 10 giờ sáng là công việc tạm xong. Phân, nước tiểu đã dọn sạch, chuyển cho đội rau. Nhà cầu đã quét tước, rắc vôi. Lúc bảy giờ là lo đi tắm vì dù đã đeo khẩu trang, bịt mũi bịt mồm, nhưng tự thấy thân thể mình hôi hám quá. Mùa nực được đi tắm là một cái sướng, nhưng mùa rét mà phải đi tắm trong khi bụng đói còn cào lại là một cực hình. Nước suối lạnh cắt da, mấy tên tù mặt mũi xám xịt, thân thể gầy còm, co ro run rẩy, ngần ngại đứng bên bờ suối.

Nguyễn Hữu Luyện không lao động, người luôn luôn sạch sẽ, nhưng ngày nào dù rét đến đâu Luyện cũng cùng chúng tôi đi tắm. Người lội xuống suối đầu tiên là Luyện. Anh nói: “cứ ào một cái là xong”. Cái lạnh ở miền Trung này đối với Nguyễn Hữu Luyện xem ra không có nghĩa lý gì. Anh bao nhiêu năm nằm trong hốc đá ở trại công trời Hà Giang. Bao nhiêu năm cùm kiên giam trong trại mục xương Cao Bằng. Ở miền cực bắc nước ta, cái lạnh còn ác liệt hơn nhiều. Người tù Biệt Kích trên 20 năm, đi qua mọi gian lao thử thách bằng một câu nói vô cùng giản dị: “Cứ ào một cái là xong”.

Ở gần bên, trong cùng một lán, tôi thấy Nguyễn Hữu Luyện sống như một thiền sư. Trong tù có một vấn đề hết sức quan trọng là ăn. Ai cũng đói mờ người. Bữa ăn và cái ăn là giấc mơ lớn nhất của tù. Nhưng đối với Nguyễn Hữu Luyện hình như anh coi rất nhẹ vấn đề ăn. Anh được phát đồ ăn thế nào, ăn thế ấy, mà ăn rất lẹ, rất nhanh, không biết anh ăn lúc nào. Không thấy anh phàn nàn bao giờ về vấn đề đói. Hình như anh ở tù lâu quá, đói trở thành thường trực nên anh đã quen đi. Một vài anh em được thăm nuôi, hoặc nhận quà, có lòng quý mến anh, biếu anh cục đường, nắm xôi, tấm bánh hay mời ăn một bữa cơm, nhưng trước sau không thấy anh nhận của ai một tặng vật nào.

Tôi, một bữa nhận quà có đưa đến anh một chiếc bánh chung nho nhỏ. Anh nhất định chối từ. Tôi mới nói:

“Chỗ anh em sao anh kỹ quá”.

Nguyễn Hữu Luyện cười cười, nắm tay tôi mà nói nhỏ:

“Bao nhiêu năm tôi tập cho cái bao tử nó đòi hỏi thật ít. Bây giờ anh em cho tặng vật, ăn vào nó quen dạ đi thì lại khổ đấy anh ạ”.

Nhưng có một thứ mà ai cho anh cũng nhận. Nhận một cách hân hoan. Đó là xà bông. Không hiểu sao, Nguyễn Hữu Luyện có một nhu cầu về tắm rửa, về sạch sẽ một cách lạ lùng. Xà bông đối với anh thật là cần thiết. Như đã nói ở trên, chúng tôi dân “nhà cầu” làm việc xong, mình mấy hôm hám nên cực chẳng đã mùa rét mà phải đi tắm. Nguyễn Hữu Luyện không đi lao động mà trưa nào cũng ra suối với chúng tôi.

Nguyễn Hữu Luyện người rất cao, ít ra là 1.75m. Quần áo trại phát anh mặc vào ngắn cũn cỡn. Người đã cao anh lại còn đi đôi guốc mộc do anh đẽo lấy nên trông lại càng lênh khênh. Đi tù anh nào anh nấy chân nứt nẻ, bè ra như tổ tiên giao chỉ, riêng Nguyễn Hữu Luyện chân trắng bóc, gót đỏ hồng. Trông gót chân của người Biệt Kích Dù đi tù trên 20 năm tôi bỗng nhiên nhớ đến 2 câu thơ của Vũ Hoàng Chương thuở nào:

*Ta van cát bụi trên đường
Dù như dù sạch ùng vương gót này.*

Trong món đồ hàng ngày đi tắm của Nguyễn Hữu Luyện có một vật rất lạ, rất ít có ở đây. Tù đi tắm thì cứ thế cởi truồng ra, vục tay xuống suối mà kỳ cọ, tắm rửa. Hoặc buổi sáng có ra giếng rửa mặt thì cũng chỉ mang cái thùng kéo nước với bàn chải đánh răng là cùng. Nguyễn Hữu Luyện đi tắm khác với người ta, mang theo một cái chậu men xanh thật đẹp. Màu men óng ả chói ngời... tương phản rõ rệt với màu cổ hũ của trại tù là màu xám xịt. Tôi mới hỏi Nguyễn Hữu Luyện:

“Ồ đâu mà có cái chậu men xinh đẹp vậy?”

Nguyễn Hữu Luyện trả lời:

“Tôi cũng không ngờ là tôi lại nhận cái chậu này. Của tên trại trưởng trại ‘mục xương’ ở Cao Bằng tặng cho tôi đấy”.

“Cao Bằng giáp với biên giới Trung Hoa nên vẫn có hàng lậu đi từ Trung cộng sang. Cái chậu này là đồ làm từ Quảng Châu có nhãn hiệu chỉ rõ. Đạo cuối thập niên 70, tên trại trưởng Thiếu tá công an nó hành tôi ghê lắm. Nhất định nó bắt tôi đi lao động. Tôi thì nhất định không đi. Nó liền cùm chân. Cùm chán rồi đem xuống hầm tối. Rồi bắt nhịn ăn. Mùa lạnh nó còn đổ nước xuống hầm nữa. Tôi người Công giáo nên tôi cầu Đức Mẹ Maria, trong con thập tử nhất sinh, tôi cũng cầu luôn Phật Bà Quan Âm nữa. Nó hành tôi mãi năm này sang năm khác mà cuối cùng tôi vẫn còn sống. Nhưng mà chết thì thôi, tôi nhất định không đi lao động. Không chịu thua chúng nó”.

– “Như vậy thì tên trại trưởng này nó hận anh ghê lắm, tại sao nó lại tặng anh cái chậu này?”

– “Tôi cũng không biết nữa, hấn hành tôi luôn mấy năm, nhưng cuối cùng hấn thả tôi ra khỏi hầm kiên giam. Một bữa hấn cho gọi tôi lên. Hấn nói:

‘Tôi sắp đổi đi trại khác, có phải anh wa tắm rửa lắm phải không? Tôi tặng anh cái chậu Trung Quốc này’.

Tôi từ chối nhưng hẳn ta cứ để cái chậu lại, rồi bắt tay từ biệt. Chẳng dặng dưng, tôi phải giữ cái chậu men xanh này, mà tôi cũng không hiểu tại sao hẳn lại làm như thế”.

TÂM HÌNH NHẬN ĐÊM CUỐI NĂM

Ở cùng lán tôi thấy Nguyễn Hữu Luyện là một người ít nói, ít giao thiệp. Không đi làm, cả ngày tôi thường thấy anh ngồi quay mặt vào tường, kiêu thiên sư diện bích. Nhưng không phải anh ngồi thiền mà anh đọc sách. Một cuốn sách dày để trước mặt. Anh người Công giáo, tôi tưởng anh ngày ngày đọc thánh kinh. Nhưng một hôm tôi biết là không phải. Một buổi chiều anh mời anh bạn giáo sư Anh văn lại chỗ anh. Anh hỏi về văn phạm, về cách đọc một vài chữ khó. Thì ra cuốn sách dày anh luôn để trước mặt là một cuốn tự điển Anh–Việt. Bạn tôi hàng ngày ngồi học thuộc từng trang tự điển. Tôi mới hỏi:

“Ông học Anh văn kiểu ấy thì bao giờ cho xong?”

Luyện trả lời:

“Được chữ nào hay chữ nấy mà cũng để cho nó quên ngày quên tháng đi ông ơi”.

Nhưng học Anh văn, theo tôi nghĩ rất khó mà tự học. Còn văn phạm còn cú pháp, còn cách đọc, cách nhấn... làm sao cho người ta hiểu. Ông bạn giáo sư Anh văn và tôi cùng dân “nhà cầu” nên ở gần nhau. Thỉnh thoảng buổi chiều, buổi tối Nguyễn Hữu Luyện lại tới rù rì bàn chuyện tiếng Anh. Ở trong trại cải tạo, tiếng nước ngoài, đặc biệt là tiếng Pháp, tiếng Anh nguyên tắc là cấm chỉ. Nhưng dạo này ở Sài Gòn có phát hành tuần san Nga Sô ấn bản tiếng Anh gọi là New Time. Vì nhu cầu đọc báo cũng như nhu cầu tìm học tiếng Anh, nên tờ New Time anh em nhận được từ gia đình gởi tới khá nhiều. Thấy sách báo của đàn anh Nga Sô vĩ đại là cán bộ trực trại gặt đầu cho nhận. Anh em đọc Ne.???

oOo

Chúng tôi về trại mới Tân Kỳ đã được gần 3 tháng. Anh em Biệt Kích Dù được tha về từ trại cũ Thanh Phong có lẽ cũng đã được trên dưới nửa năm. Đã gần tới Tết, sắp sang năm mới 1983. Anh em nhận được quà nhà gởi “đông” hơn dạo trước. Trại này ở gần ngay huyện lỵ Tân Kỳ nên thư từ, quà cáp tới mau hơn Thanh Phong nhiều. Tôi nhận thấy hằng ngày vào khoảng buổi chiều sắp sửa đóng cửa lán, thế nào cũng có một vài anh em Biệt Kích Dù đến nói điều gì đó với Nguyễn Hữu Luyện, như là “báo cáo” hằng ngày của anh em với chỉ huy trưởng. Vừa có một sự kiện đặc biệt xảy ra với anh em Biệt Kích Dù.

Trên 20 năm nay, anh em Biệt Kích Dù không bao giờ nhận được thư, được quà... Anh em là những người bị bỏ quên trong xã hội loài người.

Nhưng gần đến Tết năm 1983, có trên 10 gói quà gửi đến cho một số anh em Biệt Kích Dù. Những anh em được về từ nửa năm trước đã họp nhau gửi quà cho những người còn ở lại. Trong một buổi tối lên ngôi nói chuyện với tụi tôi, Luyện kể:

“Một số lớn anh em được về nhưng không còn liên lạc được với gia đình nữa. 20 năm qua gia đình xiêu tán không còn nhận được âm hao. Có anh thì vợ đã lấy chồng khác, đã an phận với một cuộc đời mới từ mười mấy năm qua. Ván đã đóng thuyền, người trở về không muốn gây phiền muộn cho cố nhân làm gì nữa. Những anh em tìm lại được thân nhân, gia đình phải nói là rất hiếm.

Vì vậy nên một số lớn anh em Biệt Kích Dù sau khi đi tù 20 năm biệt xứ trở về đành tụ họp cùng nhau, tùy nghề nghiệp, tùy hoàn cảnh mà quây quần bên nhau xây dựng một cuộc đời mới, trong một xã hội mới đầy khó khăn, thù hận. Cuộc sống mới của anh em hẳn là vất vả, gian nan, nhưng những món quà của anh em ở ngoài gửi vào cho anh em ở lại đều là những đồ gia dụng cả: gạo nếp, gạo tẻ, mì, trứng muối, thịt ướp, cá khô, cá hộp, v.v. Những thứ cần thiết cho một ngày Tết cổ truyền. Anh em được về như vậy đã không quên những người ở lại.”

Tôi có nghe buổi chiều Luyện dặn một anh em Biệt Kích Dù “sẽ họp lại ăn chung”. Một số anh em nhận được quà, được thư, nhưng bản thân Nguyễn Hữu Luyện thì không. Anh là người ít nói, không thích tỏ bày nên tôi cũng không tiện hỏi. Không biết gia đình của anh bây giờ ra sao? Có thể bản tính anh kín đáo, hoặc là nghề nghiệp Biệt Kích, được huấn luyện về bảo mật quá kỹ nên anh không muốn nói về mình; hay là những năm tù kiên giam trong hầm đá đã làm cho anh quen đi với bóng tối và im lặng. Tôi không biết nữa. Tôi chợt nhớ đến chi tiết khi tôi gặp anh lần đầu ở trại Thanh Phong, sau khi nghe tin đặc sứ của Tổng thống Mỹ Reagan, Tướng Vessey can thiệp thì các anh em Biệt Kích Dù có thể được về, Nguyễn Hữu Luyện đã âm thầm khẽ nói “được về, được về... mà về đâu?”

Bây giờ tôi mới hiểu hơn hai chữ “về đâu” của Nguyễn Hữu Luyện. Không biết anh có còn gia đình, có còn người thân chờ đợi? Trên 20 năm biệt xứ, không thư từ, không liên lạc, không tin tức... đâu phải người đàn bà nào cũng bền gan hóa đá vọng phu? Cái dấu hỏi sau 2 chữ “về đâu” của Nguyễn Hữu Luyện là hoàn toàn hữu lý. Gần Tết năm nay, khi một số khá đông anh em Biệt Kích Dù đã có tin tức... tôi băn khoăn, hồi hộp lo lắng cho tình trạng của anh mà không dám nói ra. Đây là một vấn đề riêng tư rất tế nhị, có khi thiêng liêng nữa, không nên vội vàng đề cập tới.

Một buổi tối Nguyễn Hữu Luyện đến với tụi tôi, dáng điệu hấp tấp hơn thường lệ, trên tay không cầm tờ New Time như mọi khi mà thay vào đó là một bao thư. Chuyến quà buổi trưa vừa tới có thêm một số gói cho anh em Biệt Kích Dù, và trong gói quà mới có

bao thư này. Gói quà gửi cho một anh em Biệt Kích Dù khác, nhưng có một số hình ảnh nhờ anh Biệt Kích Dù này gửi cho Nguyễn Hữu Luyện, anh vừa nhận được buổi chiều. Anh ngồi quay lại, đưa hình cho chúng tôi coi. Hình ảnh một đám cưới. Cô dâu, chú rể đang đứng lạy trước bàn thờ khói hương nghi ngút.

Trên bàn thờ có tấm hình phóng lớn của thân sinh cô dâu. Đôi trẻ vừa thành hôn đang cúi đầu trước người đã khuất. Tấm hình trên bàn thờ nhìn kỹ đâu phải ai xa lạ chính là hình Nguyễn Hữu Luyện 20 năm về trước. Nguyễn Hữu Luyện nói trong xúc động:

“Khi tôi đi con gái đầu lòng tôi mới có 4 tuổi, năm ngoài con tôi nó đã lấy chồng. Hơn 20 năm cách biệt không thư từ, không tin tức, vợ con tôi tưởng rằng tôi đã chết”.

Đây là lần đầu tiên tôi thấy một giọt nước mắt ngập ngừng trên khuôn mặt phong sương của người tù kiệt xuất Nguyễn Hữu Luyện. Trong đêm cuối năm giá buốt ở trại Tân Kỳ, Nghệ Tĩnh, có 3 người tù cùng âm thầm nhỏ lệ trong đêm.

BẠN TÙ FULRO

Ở trại “Tây Đức” có 4 lán thì 3 lán là tù chính trị ở cùng với tù Fulro, lán còn lại là tù hình sự. Trại Tân Kỳ này, thời kỳ “phồn thịnh” chứa trên 1,000 tù, bây giờ tù chính trị được đưa về Nam khá đông nên cả hai khu “Đông Đức – Tây Đức” chỉ còn lại chừng 500 tù. Chúng tôi ở đội rau cùng lán với anh em Fulro thuộc đội “củ quả”, chuyên trồng bí, trồng khoai, trồng trà, trồng mía... Những anh em Fulro theo chức danh ghi trong “lý lịch trích ngang” đều là những nhân vật lớn như thiếu tướng, chuẩn tướng, đại tá, trung tá, thiếu tá, v.v. nhưng thật ra chỉ là những đồng bào thiếu số không biết chữ, nói tiếng Việt không bỏ dấu, rất khó nghe... luôn luôn cười nhe hai hàm răng cà sát lợi.

Sự ngây thơ, chân thật hiện rõ trong từng dáng điệu, từng lời nói. Nghe, nhìn họ khó có thể tưởng tượng đó là tướng, tá trong mặt trận giải phóng liên kết các dân tộc bị áp bức Fulro (Front unifié pour la libération des races opprimées). Phong trào này đã phát khởi từ lâu, giữa những năm 60 và đã gây phiền nhiễu không ít cho chính quyền miền Nam. Sau tháng 4 đến 1975 khi miền Nam rơi vào tay cộng sản, phong trào Giải phóng các dân tộc bị áp bức Fulro không những không tiêu trầm mà ngược lại Fulro lại trở thành một mặt trận võ trang chống đối cộng sản rất mạnh mẽ tại miền Cao nguyên Trung phần thuộc Hoàng Triều Cương Thổ cũ. Rất đông các đồng bào thiếu số thuộc nhiều bộ tộc ở Kontum–Pleiku bị bắt, cho rằng có dính líu tới Fulro. Riêng ở trại Tân Kỳ này có tới hơn 200 tướng, tá Fulro bị bắt giữ.

Chúng tôi tù ngục quân, ngục quyền, biệt kích ở với anh em Fulro tương đối thuận thảo, không thấy anh em Fulro lộ vẻ “căm thù” gì hết. Nhiều khi anh em còn tiếp tế củ khoai, bắp, mía... Anh em đội rau thì đưa lại su hào, rau cải. Không nói ra nhưng tù chính trị và tù Fulro thông cảm nhau trong tình cảnh “cùng một lúá bên trời lặn đặng”. Nhưng một buổi tối có một sự kiện không ngờ xảy ra. Trong số anh em Fulro ở lán tôi có một anh

còn trẻ, nghe nói là thiếu tá, trước đây có đi lính Biệt Kích Mũ Xanh (green beret) của Mỹ hoạt động trên vùng Cao nguyên “Hoàng Triều Cương Thổ”. Anh này chắc làm việc lâu ngày bên người Mỹ, nên ở nơi anh hiện ra một sự kiện nghịch thường.

Anh không biết chữ nhưng ngược lại nói tiếng Anh rất “chạy”. Anh nói tiếng Anh dễ hơn, giỏi hơn nói tiếng Việt nhiều, một loại tiếng Anh người ta thường nghe thấy nơi các ghetto ở Mỹ. Tâm tính anh cũng là một sự cộng hưởng kỳ lạ, cái thơ ngây man dã ở bên cái khôn lanh quỷ quyệt. Anh có củ khoai, khúc sắn thì anh đánh đổi lấy rau, lấy đường với anh em tù chính trị “tiền trao cháo múc”. Đêm nằm anh nghe ngao một bài hát núi rừng nào đó, nghe không hiểu được nhưng phảng phất một nỗi buồn ròn rợn, trầm thống như nghe một khúc spiritual của người da đen ở Hoa Kỳ.

Anh thạo nghề mưu sinh trong rừng nên anh luôn luôn bắt được cá, lươn, ếch, nhái, có khi rắn nữa để cải thiện bữa ăn. Ăn không hết anh mới bỏ những con vật ấy vào trong một cái hũ sành để làm một thứ mắm riêng. Cái hũ sành này anh để dưới sàn, gần chỗ đầu nằm. Lâu ngày mắm có mùi, anh thì chịu được nhưng mấy anh em tù chính trị nằm gần chịu không nổi mới nói với anh trực buồng. Anh trực buồng, một anh công binh già cận thị phải nhờ một anh Fulro có tuổi, nghe nói là đại tá, nói với anh bạn thiếu tá Fulro xin dòi cái hũ mắm của anh đi chỗ khác.

Anh này nghe xong gạt phăng ông già đại tá sang một bên rồi vùng vằng đi nằm, hết sức bất bình. Cái hũ mắm càng ngày bốc mùi càng nặng, nên một buổi nhân mọi người đi làm hết, anh trực buồng mới mang cái hũ ấy ra ngoài, đặt ở sau lán, bên đống củi. Đi làm buổi chiều về khi lán đã đóng cửa, anh Thiếu tá Fulro mới nhận thấy cái hũ mắm của anh không còn ở chỗ cũ. Anh nổi giận đùng đùng, chửi mắng loạn xạ. Một người nào đó mới chỉ anh trực buồng.

Anh này chạy bay đến chỗ anh trực buồng già cận thị, nắm ngực áo lôi xềnh xệch hét lên:

“Sao mày lấy của tao, I’m gonna to get you, to kill you...” (Tao sẽ đánh mày, giết mày).

Một anh Fulro có tuổi ở gần đấy liền đứng dậy, định can ra; anh Fulro trẻ tuổi đang cơn nóng giận, đẩy anh Fulro già ngã chúi, kéo áo anh trực buồng rách toạc, cái kính cận văng xuống đất. Người ta không biết sự thể sẽ diễn biến ra sao khi anh Fulro đang lên cơn điên loạn rừng rú.

Bỗng có một người cao lênh khênh bước tới, đó là tay thủ lĩnh Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện. Không biết bằng một chiêu thức Judo hay cầm nã thủ tuyệt vời nào, hai tay của anh Fulro điên loạn đã bị khóa chặt. Anh Fulro vùng vẫy nhưng không thoát ra được. Nguyễn Hữu Luyện nói gần giọng:

“Đừng làm ồn”.

Tay Fulro hét lên:

“It’s none of your business” (không phải chuyện anh đừng dính vô).

Luyện ôn tồn nói tiếp:

“Chuyện không đáng gì. Sáng mai chúng ta gặp nhau giải quyết”.

Không biết lời nói của tay thủ lĩnh Biệt Kích Dù có một mãnh lực gì mà sau đó tay Thiếu tá Fulro đang trừng trợn bỗng nguôi đi, nhìn xuống đất, Nguyễn Hữu Luyện dùng tay khóa, nhẹ nhàng vỗ vai anh Fulro, khẽ nói “Thôi đi nghỉ đi...”.

Sáng sớm hôm sau trước khi đi làm, hai người (anh Thiếu tá Fulro và Nguyễn Hữu Luyện) có gặp nhau và không hiểu sao cái hũ mắch được để lại ngoài lán, bên đồng củi. Môi giao hảo giữa anh em tù chính trị với tù Fulro, tưởng rằng sau vụ này sẽ căng thẳng, không ngờ ngược lại, nó tốt hơn lên, kiểu “đánh nhau vỡ đầu rồi mới nhận anh em”. Tay Fulro Biệt kích mũ xanh bây giờ mới nhận ra “ông thầy”, ở nơi thủ lãnh Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện. Thỉnh thoảng buổi tối tôi lại thấy anh bạn Fulro tới chỗ Nguyễn Hữu Luyện nói tiếng Anh, nói bất cứ chuyện gì để cho Nguyễn Hữu Luyện luyện “accent”. Có khi anh ta còn đem tới củ khoai, dẫn mía nữa, nhưng theo như cựu lệ, Nguyễn Hữu Luyện chỉ cảm ơn mà không nhận bao giờ.

Sau khi những tấm hình của vợ con anh nhờ một anh em Biệt Kích khác được gửi tới trại Tân Kỳ, tôi một bữa mới hỏi Nguyễn Hữu Luyện:

“Tại sao anh không có thư, có quà riêng của gia đình?”

Trầm ngâm một lát Nguyễn Hữu Luyện mới nói:

“Thực tình tôi không nghĩ là vợ con tôi còn đó, đợi chờ tôi. Khi một số anh em Biệt Kích Dù được về, tôi có nhờ anh em kín đáo đi tìm hộ... Rất may là đã tìm ra. Vợ con tôi đã rời Sài Gòn, xuống Cần Thơ sinh sống. Tôi cũng đã dự phòng trường hợp này. Gần 20 năm nay vợ con tôi, anh em, họ hàng, bè bạn tôi nghĩ rằng tôi đã chết.

Thôi cứ để như thế cho tiện, chết là hết, phải không anh. Không phiền ai, gây trở ngại cho ai. Nhược bằng vợ con tôi còn nghĩ đến tôi, còn chờ đợi tôi thì đó là ơn riêng của Chúa đã ban cho. Nhưng tôi đã nói trước là vợ con tôi nếu còn đó, khi nhận được tin tôi thì không bao giờ được viết thư, được gửi quà. Nhận thư nhận quà rồi là tôi phải trả lời. Làm sao mà mình không thương vợ, thương con mình cho được. Xưa nay mấy chục năm ở các trại tù, mình là thằng trọc đầu, trên không chằng dưới không rể, họ không nắm mình vào đâu được. Bây giờ mình thương vợ mình, thương con mình, họ đọc thư, họ biết như vậy, thì mình không sống được yên đâu anh ơi. Họ không hành được mình, bây giờ

họ hành vợ con mình để bắt mình quy phục, thì làm sao đây thưa anh. Cho nên tôi không muốn nhận thư, nhận quà riêng là vì thế...”

ĐỨNG VỮNG KHÔNG LÙI

Có lẽ trại Tân Kỳ này trước đây đã xây dựng trên một vạt rừng. Trong sân trại còn một số cây cổ thụ còn sót lại. Ở cuối sân “tập kết” bên “Tây Đức”, trước cửa mấy lán tù có một cây đa cổ thụ. Cụ Nguyễn Du đã nói “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”. Ở đây không những người buồn, (một lũ tù nhân rạc ròi đói cơm thiếu áo xác xơ như một lũ vượn người thời mông muội) mà cây lá cũng buồn theo. Cây gì mà khẳng khiu, trơ trụi, không còn một chút màu xanh, chỉ có những rễ phụ nâu đen rũ xuống, trông giống như một ông già đầu râu tóc bạc đang đứng gờ tay chịu tội giữa trời.

Xưa nay cây thường là một biểu tượng thuần hậu của thiên nhiên: cây cho lá cho hoa, cho bóng mát, cho nơi che chở, cho chim ca và gió hát. Ở đây thì ngược lại; cây đa già trơ lá trụi cành đang biểu tượng cho sự tàn bạo của con người và sự lạnh lùng của thiên nhiên khắc nghiệt. Lũ tù nhân chúng tôi ít khi dám ra chơi dưới gốc cây đa. Những cái rễ ngoằn ngoèo nổi lên sần sùi trông giống như một đàn rắn gió đang rình mồi, những hốc tối mò làm liên tưởng đến hang ổ của lũ cáo, chồn, rắn rết, nhưng điều chúng tôi ngại nhất là bên gốc cây đa này nghe nói đã có hơn một người tù treo cổ chết. Người tù treo cổ thường thiêng lắm. Tiếng bình dân gọi là “có hương”. Con ma treo cổ thường dẫn dụ một người nào khác kết liễu cuộc sống giống như mình để oan hồn uổng tử kia được đầu thai kiếp khác.

Hôm ấy vào khoảng cuối tháng 3 năm 1983. Trời dù đã cuối Xuân nhưng cái lạnh miền bán sơn địa vẫn còn buốt giá. Như thường lệ buổi sáng các đội ra sân tập kết ngồi xuống, đội điếm danh xuất trại đi làm. Chợt một tiếng thét thất thanh vang dậy, phát ra từ cuối sân tập kết, phía cây đa. Mọi người nhìn lên, một bóng người đang đứng trên chạc ba của cây đa trụi lá, vượn cổ ra hò hét:

“Tội cha bây. Bây hại dân hại nước. Bây hại con tao, hại vợ tao. Tội cha bây, bất nhân, vô hậu...”.

Cán bộ trực trại vội vàng đi lại gốc cây đa, giơ tay quát nạt:

“Anh kia, anh chửi ai?”

– “Tao chửi bây, chửi tội cha tụi bây”.

Một công an bảo vệ xách carbine chạy tới, kéo “cu lat” loạch xoạch. “Anh kia, xuống ngay”. Một phát súng nổ vang lên; mọi người giật mình nhưng nhìn lại, đó chỉ là phát súng chỉ thiên, bắn dọa... Người đứng trên cây, nhìn kỹ, cổ đã quàng sẵn vào một sợi dây thừng buộc vào một cành cây cao cạnh đó. Người đó nói như thét:

“Bắn cho tao một phát đi, tao khỏi thất cổ”.

Cán bộ trực trại giơ tay, anh công an bảo vệ hạ carbine xuống.

Người đứng trên cây tiếp tục chửi bới, tiếp tục hò hét, trong khi cán bộ trực trại hấp tấp đi ra trước sân tập kết, vội vã thối còi ra lệnh xuất trại gấp. Tù nhân vừa xúc động vừa tê điếng trước phản ứng bất ngờ của một bạn tù. Các đội hôm nay được ra khỏi trại rất mau, rất vội. Trại không muốn các tù nhân ở lại nghe những lời chửi rủa tận từ kia.

Anh em xì xào: “Ai đẩy nhỉ?”

– “Nghe như tiếng Th. thiếu tá địa phương quân người Huế hay Quảng Bình, Quảng Trị”

– “Đúng hẳn rồi còn ai nữa, nghe đâu ít lâu nay hẳn bị tâm thần”.

Các đội tù xuất trại hết rồi. Sân tập kết trở lại vắng người, im vắng. Tiếng chửi rủa của Thiếu tá Địa Phương quân Th. vẫn còn róng rã:

“Tộ cha bây, bây giết con tao”.

Mấy tên làm việc trong trại như đội “nhà cầu” tụi tôi vẫn tiếp tục làm việc nhưng không ngớt băn khoăn, lo lắng cho người bạn tù đang nổi cơn điên loạn. Ông bạn đồng nghiệp nhà cầu, Đại Đức Như L. cho hay:

“Tội cho anh ta lắm. Anh ta đi tù cải tạo mà con trai mới lớn lên ở nhà lại phải đi ‘nghĩa vụ’ sang Campuchia. Anh vừa nhận tin con trai anh mới chết; chết mà không mang được xác về. Vợ anh ta là cô giáo, nghèo sát ván, ngất đi khi nhận được tin con và từ đó bệnh luôn. Đi làm lương không đủ nuôi con, làm gì có quà cáp cho chồng nữa. Th. lâu nay là con bà phước. Ở nhà vợ anh ta ốm nặng, đưa con gái phải nghỉ học ở nhà nuôi mẹ, nuôi em. Đứa em trai út khốn thay lại bị bệnh tâm thần ngớ ngẩn. Cả nhà bây giờ trông vào một cô con gái mới đâu 15, 16 tuổi. Đêm nằm anh Th. thường ú ớ gọi vợ, gọi con... Anh ta vẫn đi làm được, không ngờ sáng nay anh ta lại phản ứng bất thường như vậy...”

Anh Th. vẫn đứng trên cây, vẫn chửi bới, hò hét. Nhưng tiếng chửi bới, hò hét thưa dần vì không còn “đối tượng”. Vào khoảng 9 giờ sáng, trại trưởng Trung tá công an T. mới từ từ đi tới gốc cây đa nói:

“Anh Th., có chuyện gì xuống đây tôi giải quyết”.

– “Bắn cho tôi một phát đi, tôi không xuống”.

Thấy không xong, trại trưởng liền đi vào trong lán tù. Hình như y đi tìm một người nào đó. Tôi được nghe nói là Trung tá công an đi tìm Đại úy Biệt Kích Dù Nguyễn Hữu Luyện.

Trời đã gần đứng bóng. Anh bạn tù nổi cơn điên vẫn đứng trên cây, cò quàng sẵn vào một vòng dây thừng oan nghiệt. Chợt có một bóng người cao lênh khênh đi ra đứng dưới gốc cây đa. Đó là Nguyễn Hữu Luyện. Hai người đứng nói chuyện gì với nhau không rõ. Nhưng sau đó người tù nổi cơn điên Th. tháo bỏ cái vòng dây oan nghiệt ra khỏi cò, và từ từ trèo xuống. Nguyễn Hữu Luyện đỡ người bạn tù bước xuống đất và dìu anh ta vào trong lán. Không biết người thủ lãnh Biệt Kích Dù đã nói những gì, đã làm thế nào để cho người tù khốn khổ kia trở lại với cuộc đời.

oOo

Những ngày tiếp theo đó cả trại Tân Kỳ nín thở theo dõi hậu quả đến với người tù cựu Thiếu tá Địa Phương Quân. Hậu quả đầu tiên là biên chế lại. Tù đội này đổi sang đội kia, từ lán này sang lán khác. Giảm bớt khu “Tây Đức”. Cho một số đội sang khu “Đông Đức”. Mỗi lần biên chế là mỗi lần trại phá bỏ những khuôn sinh hoạt tinh thần cũng như vật chất của tù gây dựng được trong những tháng ngày qua. Đội mới, chỗ mới, bạn mới. Cái thân quen vừa tạo lập đã mất đi. Chủ trương của trại tù là luôn luôn bắt tù nhân ăn ở trong một tình trạng tạm thời, nghi ngờ, bất trắc.

Sau vụ biên chế này, tôi vẫn làm công tác nhà cầu nhưng không ở cùng lán với Nguyễn Hữu Luyện nữa. Ba ngày sau, một chuyến xe GMC (lấy được của miền Nam) chở một số tù mới đến trại Tân Kỳ. Tôi vội chạy ra xem có gặp lại người quen? Tưởng bạn tù nào xa lạ, hóa ra toàn là bạn cũ. Đây là chuyến xe chở một số các linh mục tuyên úy Công giáo từ trại Bình Đà ngoài Bắc đổi trại vào miền Trung. Các bạn tù linh mục này năm ngoái tháng 4, 1982 đã từ biệt tại tôi ở trại Thanh Phong ra Bắc. Tôi gặp lại bạn cũ, đội trưởng đội rau kiêm đội trưởng văn nghệ nghiệp dư, linh mục Nguyễn Quốc T. Chúng tôi ôm lấy nhau, linh mục Nguyễn Quốc T. nói “Xã hội tù xoay chuyển vòng tròn. Mình lại gặp nhau ở đây, mừng quá”.

Nhưng cái mừng của người bạn cũ không được lâu. Ngày hôm sau (tôi nhớ là ngày 23 tháng 3, 1983), chuyến xe GMC lại chở một số tù từ trại Tân Kỳ đi nơi khác. Trong số 33 người tù di chuyển kỳ này có tên tôi. Chuyến xe đi vội vã. Ngồi trên xe chật cứng, tôi giờ một bàn tay vầy vầy. Từ biệt trại Tân Kỳ, từ biệt những người bạn tù đã cùng tôi trải qua một thời kỳ gian khổ. Tôi nhìn thấy trong lán tù ở lại có những bàn tay vầy theo. Trong số những bàn tay tiễn biệt kia, biết đâu chẳng có bàn tay của người tù kiệt xuất Nguyễn Hữu Luyện. Tôi không được gặp lại các anh từ ngày ấy, đến nay thấm thoát đã 12 năm rồi. Xin những anh em tù cải tạo nào từng có mặt tại trại Tân Kỳ đầu năm 1983, hiện giờ ở hải ngoại tình cờ đọc đến những dòng này, nếu các anh được biết tin gì về người bạn tù khốn khổ của chúng ta Thiếu tá Th. Địa Phương Quân xin các anh vui lòng cho tôi được biết.

Đặc biệt về người tù kiệt xuất Nguyễn Hữu Luyện tôi lúc nào cũng nhớ anh, cũng cảm phục anh, nhưng có một điều tôi hứa với anh mà tôi không giữ được tròn. Một buổi sau khi anh cho tôi xem tấm hình con gái anh bữa lấy chồng, đang cúi lạy trước chân dung người cha đã khuất (là anh) tôi mới nói với anh rằng:

“Sau này nếu có dịp tôi sẽ kể, sẽ viết ra chuyện này”.

Anh nắm tay tôi mà nói:

“Thôi đừng anh ạ, mình xét ra cũng chỉ làm nhiệm vụ của một người lính tình nguyện gia nhập cuộc chiến tranh bí mật. Quy luật của nó là thế thì mình đành phải chịu, thừa anh”.

Nhớ lời nhắn nhủ của anh, nên mấy năm nay ở nước ngoài, có dịp viết đôi ba bài báo tôi đã muốn lắm, muốn được kể chuyện người tù kiệt xuất là anh và đồng đội của anh, những anh em Biệt Kích Dù bất khuất. Nhưng tôi cứ đắn đo e ngại mãi. Bây giờ tôi được biết rõ là anh đã tới Hoa Kỳ được một thời gian và anh đang đứng ra lo lắng cho một số anh em Biệt Kích Dù đồng đội của anh làm thủ tục xuất ngoại. Chuyện Biệt Kích Dù trên 30 năm cũ tưởng đã nằm im trong cát bụi lãng quên bây giờ đang được mở lại hồ sơ. Cho nên bữa nay tôi mới dám viết ít dòng này với tư cách của một người bạn tù cùng trại nói ra những điều tai nghe mắt thấy...



Phan Lạc Phúc



*Nguồn: Internet eMail by **tony nguyên** chuyển*